

Bản án số: 361/2019/HC-PT

Ngày: 16/12/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Anh Tài;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Bà Lê Thị Thúy Bình.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thúy, Kiểm sát viên.

Ngày 16/12/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 235/2019/TLPT-HC ngày 26/7/2019 về việc khiếu kiện “Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân” do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2019/HC-ST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11215/2019/QĐ-TA ngày 29 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:**

1. Ông Hoàng Tiến L, sinh năm 1962; trú tại: Thôn Sông Lô 9, xã An T, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q; Có mặt;

2. Bà Hoàng Thị Ph, sinh năm 1966; trú tại: Thôn Sông Lô 6, xã An T, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q; Có mặt;

3. Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1971; trú tại: Tổ 16, phường Minh X1, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q; Có mặt;

4. Ông Hoàng Quốc L1, sinh năm 1973; trú tại: Thôn Sông Lô 9, xã An T, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q; Có mặt;

5. Ông Hoàng Quang Th, sinh năm 1976; trú tại: Thôn Sông Lô 9, xã An T, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Hoàng Thanh H, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Thôn Sông Lô 9, xã An T, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q. Có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q.

Địa chỉ: Thôn Trung Việt, xã An T, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Hoàng L2 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Quốc Ch - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q. (Văn bản ủy quyền số 02/GUQ-CT ngày 20/02/2019). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Hoàng Minh H1, sinh năm 1960; trú tại: Thôn Sông Lô 5, xã An T, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q; Vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Minh H1: Ông Trần Văn L3, sinh năm 1961, địa chỉ: Thôn Hưng Kiều 3, xã An T, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q. (Văn bản ủy quyền ngày 01/4/2019). Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm: 1939; trú tại: Thôn Sông Lô 6, xã An T, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án hành chính sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bố mẹ ông bà là ông Hoàng Văn Th1 và bà Nguyễn Thị H2 có 06 người con là Hoàng Minh H1, Hoàng Tiến L, bà Hoàng Thị Ph, bà Hoàng Thị X, ông Hoàng Quốc L1, ông Hoàng Quang Th. Ông Th1, bà H2 có 01 ngôi nhà và đất địa chỉ thôn Sông Lô 6, xã An T, huyện Yên S (nay là thành phố Tuyên Q), tỉnh Tuyên Q được Ủy ban nhân dân huyện Yên S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B532847 ngày 05/10/1992 mang tên ông Hoàng Văn Th1. Năm 2000, ông Hoàng Văn Th1 chết không để lại di chúc phân chia di sản thừa kế. Năm 2012, chính quyền địa phương đến xác minh ranh giới hiện trạng sử dụng đất và tài sản trên đất cho bà Nguyễn Thị H2 sau đó Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị H2, số BN 380578 ngày 10/7/2013 đối với toàn bộ diện tích 981,6m², thửa số 76, tờ bản đồ số 95. Tuy nhiên quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H2, các cơ quan có thẩm quyền đã không lấy ý kiến của 06 người con là các đồng thừa kế đối với phần di sản thừa kế của ông Hoàng Văn Th1. Sau đó, ông Hoàng Minh H1 là con trai cả đã làm các thủ tục để bà Nguyễn Thị H2 tặng cho toàn bộ tài sản là nhà và đất đối với diện tích 981,6m². Sau đó Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Q đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Minh H1, số BQ 709020 ngày 10/5/2014. Nhưng bà Nguyễn Thị H2 do không biết chữ và không được đọc hợp đồng tặng cho đất và tài sản trên đất cho ông Hoàng Minh H1 nên không biết về việc nhà và đất đã đứng tên ông Hoàng Minh H1. Đến cuối năm 2017, ông Hoàng Tiến L, bà Hoàng Thị Ph, bà Hoàng Thị X, ông Hoàng Quốc L1, ông Hoàng Quang Th mới biết việc Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Tuyên Q cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất cho bà H2 năm 2013 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho ông Hoàng Minh H1 năm 2014. Ngày 24/9/2018, các ông bà đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Q. Tuy nhiên do Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Q không có thẩm quyền giải quyết nên các ông bà đã rút đơn và khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Q.

Ông Hoàng Tiến L, bà Hoàng Thị Ph, bà Hoàng Thị X, ông Hoàng Quốc L1, ông Hoàng Quang Th cho rằng việc Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Q cấp GCNQSDĐ năm 2013 cho bà Nguyễn Thị H2 là không đúng quy định của pháp luật do không lấy ý kiến của các con là các đồng thừa kế phần di sản thừa kế của ông Hoàng Văn Th1, nên các ông, bà đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án tỉnh Tuyên Q và đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

1. Tuyên hủy Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q cho bà Nguyễn Thị H2.

2. Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 380578 ngày 10/7/2013 mang tên Nguyễn Thị H2 do UBND thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q cấp.

3. Tuyên hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q cho ông Hoàng Minh H1.

4. Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 709020 ngày 10/5/2014 mang tên Hoàng Minh H1 do UBND thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q cấp.

Người bị kiện - Đại diện Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q trình bày:

Về việc cấp GCNQSDĐ số BN 380579 cho bà Nguyễn Thị H2: Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố nhận được hồ sơ của bà Nguyễn Thị H2 kèm theo tờ trình số 18/TTR-UBND ngày 18/6/2013 của UBND xã An T về việc cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã An T trong đó có cá nhân bà Nguyễn Thị H2. Căn cứ hồ sơ cấp GCNQSDĐ của bà Nguyễn Thị H2 do UBND xã An T xác nhận nguồn gốc sử dụng đất “Do nông trường giao năm 1973, xây dựng nhà ở năm 1986” đã được công khai tại UBND xã và Nhà văn hóa thôn Sông Lô 6 từ ngày 02/6/2013 đến hết ngày 17/6/2013 theo quy định tại Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT ngày 02/7/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Khi hết thời gian công khai, UBND xã An T không nhận được đơn khiếu nại về kết quả xét duyệt và công khai các trường hợp đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ. Do vậy, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố thẩm định đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H2 và chuyển phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố trình UBND thành phố ban hành Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H2 tại Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 18/6/2013 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 216 hộ gia đình, cá nhân tại xã An T (trong đó có bà Nguyễn Thị H2). Sau khi bà H2 thực hiện nghĩa vụ tài chính tại giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 08/7/2013, Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 380578 (số vào sổ

CH 002278/AT ngày 10/7/2013) cho bà H2 đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 95, diện tích 400 m² đất ở tại nông thôn và 581,6 m² đất trồng cây lâu năm, tại thôn Sông Lô 6, xã An T, thành phố Tuyên Q là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 709020 (số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 003526/AT ngày 10/5/2014) mang tên Hoàng Minh H1: Ngày 30/9/2013, Bộ phận giao dịch “Một cửa” Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Q tiếp nhận hồ sơ đăng ký nhận tặng cho quyền sử dụng đất của ông Hoàng Minh H1 đúng quy định của pháp luật. Căn cứ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị H2 và ông Hoàng Minh H1 được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Tuyên Q chứng thực ngày 27/9/2013, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố đã thẩm định hồ sơ, chuyển Thông tin địa chính đến Chi cục Thuế thành phố để xác định nghĩa vụ tài chính. Sau khi, Chi cục Thuế thành phố ban hành Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất số 485/CCT-KKKTT&TH. Theo thông báo trên, ông Hoàng Minh H1 thuộc trường hợp không thu lệ phí trước bạ theo quy định tại Khoản 10 Điều 4 Nghị định 45/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ và miễn thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Luật Thuế thu nhập cá nhân, Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 003526/AT ngày 10/5/2014 cho ông Hoàng Minh H1 đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 95, diện tích 400 m² đất ở tại nông thôn và 581,6 m² đất trồng cây lâu năm, tại thôn Sông Lô 6, xã An T, thành phố Tuyên Q là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Như vậy, việc UBND thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H2, địa chỉ thôn Sông Lô 6, xã An T, thành phố Tuyên Q và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Minh H1, địa chỉ: Thôn Sông Lô 5, xã An T, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q là đúng theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H2 trình bày:

Bà và chồng bà là ông Hoàng Văn Th1 nguyên là công nhân của Đội 1 Nông trường chè Sông Lô. Năm 1973, bà và ông Th1 được Nhà nước cấp 01 mảnh đất hiện nay có địa chỉ tại thôn Sông Lô 6, xã An T, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q. Bà và ông Th1 có 06 người con, gia đình bà sử dụng mảnh đất này để ở ổn định không có tranh chấp, mâu thuẫn gì. Năm 1992, gia đình bà được Ủy ban nhân dân huyện Yên S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B532847 ngày 05/10/1992 đối với diện tích 700m² mang tên chồng bà là ông Hoàng Văn Th1 (do khi đó mảnh đất có địa chỉ tại Đội 1, xí nghiệp Nông công nghiệp chè An T, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Q). Đến năm 2000, ông Hoàng Văn Th1 chết, khi chồng bà chết không để lại di chúc và tặng cho mảnh đất cho ai. Bà là người sử dụng, quản lý mảnh đất này từ đó đến nay. Đến năm 2010, khu vực đất nhà bà được sáp nhập vào thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q. Năm 2013, bà được Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị H2 số BN380578 ngày

10/7/2013 với diện tích đo đạc lại thực tế là 981,6m², thửa số 76, tờ bản đồ số 95. Năm 2013, bà bị bệnh đi bệnh viện nên bà gửi con trai cả là Hoàng Minh H1 cầm hộ bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc mang tên bà. Khoảng 02 tháng sau bà đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông H1 bảo là cứ để cho ông H1 cầm hộ. Khoảng tháng 3/2014, ông H1 đưa bà đi đến một cơ quan Nhà nước và bảo là “đưa bà lên đây thì bà phải ký, ký là bà gửi con bìa đỏ, bà phải ký chữ H2 vào đây không các cô chú lại kiện con là con lấy trộm của bà”. Sau đó bà được một cán bộ nam đưa cho 01 tờ giấy, bà ký vào nhưng không được đọc nội dung. Đến năm 2017, hàng xóm của bà lần đất sang nhà bà và nói với bà là “bà không có quyền, đất này của anh H1 rồi”. Bà đã làm đơn ra UBND xã đề nghị giải quyết tranh chấp đất với hàng xóm, thì UBND xã cho biết nhà và đất hiện nay đã được chuyển quyền sử dụng sang tên ông H1. Khi đó bà mới biết ông Hoàng Minh H1 đã đứng tên quyền sử dụng mảnh đất đó của bà. Sau đó bà H2 đã đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Q hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H1 nhưng sau đó đã rút đơn khởi kiện để khởi kiện bằng một vụ án dân sự. Tuy nhiên 05 người con của bà đã khởi kiện nên bà không khởi kiện nữa mà nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của 05 con của bà để hủy GCNQSDĐ mang tên bà và ông Hoàng Minh H1 và không có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Minh H1 trình bày:

Bố mẹ ông là ông Th1, bà H2 có 06 người con. Khi các con xây dựng gia đình ông bà đều cho đất ở riêng. Còn lại có 01 mảnh đất và nhà tại thôn Sông Lô 6, xã An T, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q được cấp GCNQSDĐ mang tên ông Hoàng Văn Th1. Năm 2013, bà Nguyễn Thị H2 đã làm làm thủ tục sang tên cho bà H2 và được UBND thành phố Tuyên Q cấp GCNQSDĐ số BN 380578 ngày 10/7/2013 đối với toàn bộ diện tích 981,6m² (sau khi đo đạc lại), thửa số 76, tờ bản đồ số 95. Ngày 27/3/2017, bà Nguyễn Thị H2 đã lập hợp đồng tặng cho toàn bộ diện tích trên cho ông H1 tại Phòng công chứng số 1, thủ tục trình tự theo đúng quy định của pháp luật. Hiện nay 05 người khởi kiện là các em của ông đề nghị hủy 02 GCNQSDĐ mang tên bà H2 và ông là không có căn cứ. Ông không nhất trí yêu cầu khởi kiện của các em ông. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và không có yêu cầu độc lập.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2019/HC-ST ngày 31/5/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Q đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 29; Điều 30; Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 193; điểm a khoản 1 Điều 116; Điều 191; Điều 194, Điều 206, Điều 344, Điều 345, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ vào các Điều 49, Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc thi hành Luật Đất đai; Căn cứ Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Tiến L, bà Hoàng Thị Ph, bà Hoàng Thị X, ông Hoàng Quốc L1, ông Hoàng Quang Th:

- Hủy một phần Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 18/6/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Q về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho 216 hộ gia đình, cá nhân tại xã An T, thành phố Tuyên Q, phần cấp giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị H2, địa chỉ thôn Sông Lô 6, xã An T, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 380578 ngày 10/7/2013 mang tên Nguyễn Thị H2 do UBND thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q cấp.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 709020 ngày 10/5/2014 mang tên Hoàng Minh H1 do UBND thành phố Tuyên Q cấp.

2. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố, tỉnh Tuyên Q thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/6/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Minh H1 có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Minh H1 là ông Trần Văn Lý vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật, đơn kháng cáo của đương sự là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Tiến L, bà Hoàng Thị Ph, bà Hoàng Thị X, ông Hoàng Quốc L1, ông Hoàng Quang Th là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Minh H1, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự và những người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo đề nghị của người khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đề

ngị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện.

Ngày 18/6/2013, Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q ban hành Quyết định số 282/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho 216 hộ gia đình, cá nhân tại xã An T, thành phố Tuyên Q (trong đó, có bà Nguyễn Thị H2). Ngày 10/7/2013, UBND thành phố Tuyên Q cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị H2. Ngày 27/9/2013, bà H2 tặng cho QSDĐ cho ông Hoàng Minh H1. Ngày 10/5/2014, Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Q cấp GCNQSDĐ cho ông Hoàng Minh H1.

Tháng 11/2017, người khởi kiện biết được UBND thành phố Tuyên Q đã cấp GCNQSDĐ từ bà H2 và ông H1. Ngày 24/9/2018, người khởi kiện đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Q. Tuy nhiên, do không thuộc thẩm quyền giải quyết nên ngày 09/11/2018 người khởi kiện đã rút đơn và khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Q.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính, đơn khởi kiện của người khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Q thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung quyết định số 282/QĐ-UBND và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 380578 ngày 10/7/2013 mang tên Nguyễn Thị H2; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 709020 ngày 10/5/2014 mang tên Hoàng Minh H1, Hội đồng xét xử thấy:

Ông Hoàng Văn Th1 có vợ là bà Nguyễn Thị H2, ông bà sinh được 06 người con là: ông Hoàng Minh H1, ông Hoàng Tiến L, bà Hoàng Thị Ph, bà Hoàng Thị X, ông Hoàng Quốc L1, ông Hoàng Quang Th. Năm 1992, ông Th1, bà H2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Văn Th1, số B 532847 ngày 05/10/1992 đối với 700m² đất tại xã Đội 1, xí nghiệp Nông công nghiệp chè - An T, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Q (*nay là thôn Sông Lô 6, xã An T, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q*). Năm 2000, ông Hoàng Văn Th1 chết không để lại di chúc chia di sản thừa kế phần tài sản của mình. Bà Nguyễn Thị H2 là người sử dụng và quản lý mảnh đất đó từ đấy đến nay không tranh chấp với ai. Ngày 25/12/2012, bà Nguyễn Thị H2 có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất. UBND xã An T đã lập biên bản xác định ranh giới, hiện trạng sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 01/12/2012 đối với người sử dụng đất là bà Nguyễn Thị H2, lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 19/5/2013. Ngày 02/6/2013, UBND xã An T đã công bố danh sách công khai các trường hợp đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ trong đó có trường hợp bà Nguyễn Thị H2. Ngày 18/6/2013, UBND xã An T có tờ trình về việc cấp GCNQSDĐ cho 146 hộ trong đó có hộ bà Nguyễn Thị H2 và kèm theo các giấy tờ tài liệu liên quan để đề nghị UBND thành phố Tuyên Q cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị H2. UBND thành phố Tuyên Q đã ban hành

Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 18/6/2013 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho 216 hộ gia đình, cá nhân tại xã An T, thành phố Tuyên Q trong đó có bà Nguyễn Thị H2 và đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị H2, số BN 380578 ngày 10/7/2013 đối với toàn bộ diện tích 981,6m² (sau khi đo đạc lại), thửa số 76, tờ bản đồ số 95. Ngày 27/9/2013, bà Nguyễn Thị H2 đã làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cho ông Hoàng Minh H1 tại Phòng công chứng số 1. Sau đó, Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Q đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Minh H1, số BQ 709020 ngày 10/5/2014.

Như vậy, về hình thức của Quyết định số 282/QĐ-UBND, GCNQSDĐ số BN 380578 ngày 10/7/2013 mang tên Nguyễn Thị H2 và GCNQSDĐ số BQ 709020 ngày 10/5/2014 mang tên Hoàng Minh H1 do UBND thành phố Tuyên Q cấp là đúng quy định tại Điều 48 Luật Đất đai năm 2003.

Về nội dung quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 18/6/2013 và việc cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị H2, UBND thành phố Tuyên Q chưa xem xét đúng nguồn gốc đất là không đúng quy định tại Điều 9; Điều 49; Điều 50; Điều 123 của Luật đất đai năm 2003.

[2.2] Xét về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 18/6/2013; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị H2 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Minh H1:

Về thẩm quyền, căn cứ Điều 52 Luật đất đai năm 2003, Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Q ban hành Quyết định 282/QĐ-UBND ngày 18/6/2013 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H2 là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 282/QĐ-UBND, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 25/12/2012, bà Nguyễn Thị H2 có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất. UBND xã An T đã lập biên bản xác định ranh giới, hiện trạng sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 01/12/2012 đối với người sử dụng đất là bà Nguyễn Thị H2, lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 19/5/2013. Ngày 02/6/2013, UBND xã An T đã công bố danh sách công khai các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất trong đó có trường hợp bà Nguyễn Thị H2. Ngày 18/6/2013, UBND xã An T có tờ trình về việc cấp giấy CNQSD đất cho 146 hộ trong đó có hộ bà Nguyễn Thị H2 và kèm theo các giấy tờ tài liệu liên quan đề nghị UBND thành phố Tuyên Q cấp giấy CNQSD đất cho bà Nguyễn Thị H2. UBND thành phố Tuyên Q đã ban hành Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 18/6/2013 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho 216 hộ gia đình, cá nhân tại xã An T, thành phố Tuyên Q trong đó có bà Nguyễn Thị H2 và đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị H2, số BN 380578 ngày 10/7/2013 đối với toàn bộ diện tích 981,6m² (sau khi

đo đạc lại), thửa số 76, tờ bản đồ số 95. Ngày 27/9/2013, bà Hoàng Thị H2 đã làm tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cho ông Hoàng Minh H1. Sau đó, Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Q đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Minh H1, số BQ 709020 ngày 10/5/2014.

Tuy nhiên khi bà H2 có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 25/12/2012, bà H2 đã kê khai chồng là Hoàng Văn Th1 đã chết kèm theo giấy xác nhận ông Hoàng Văn Th1 là chồng bà chết năm 2000 và GCNQSDĐ số B 532847 cấp ngày 05/10/1992 mang tên Hoàng Văn Th1. Như vậy mảnh đất bà H2 đề nghị cấp GCNQSDĐ có nguồn gốc không thuộc sở hữu riêng của bà H2 mà của hai vợ chồng bà. Ông Th1 chết không để lại di sản di chúc nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất trong đó có bà H2 và 06 người con của bà H2 đều có quyền thừa kế đối với phần di sản thừa kế của ông Th1.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 49 Luật Đất đai năm 2003 quy định về những trường hợp được cấp GCNQSDĐ: *“Người được chuyển đổi, nhận chuyển nhượng, được thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất; người nhận quyền sử dụng đất khi xử lý hợp đồng thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất để thu hồi nợ; tổ chức sử dụng đất là pháp nhân mới được hình thành do các bên góp vốn bằng quyền sử dụng đất;”*.

Điều c khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 quy định về việc Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất *“Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; giấy tờ giao nhà tình nghĩa gắn liền với đất”*.

Tại phần I mục 2.4 điểm 2 Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình quy định không áp dụng thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế như sau: *“...sau khi kết thúc thời hạn mười năm mà các đồng thừa kế không có tranh chấp về hàng thừa kế và đều thừa nhận di sản do người chết để lại chưa chia thì di sản đó chuyển thành tài sản chung của các thừa kế. Khi có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế, mà áp dụng các quy định của pháp luật về chia tài sản chung để giải quyết...”*.

Đồng thời, tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 đã quy định: *Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp sau đây:*

d) Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, ...

Như vậy, mặc dù thời điểm bà H2 được cấp GCNQSDĐ đã kết thúc thời hạn 10 năm nhưng do các đồng thừa kế không có tranh chấp về hàng thừa kế và đều thừa nhận di sản do người chết để lại chưa chia thì di sản đó trở thành tài sản chung của các thừa kế. Như vậy UBND thành phố Tuyên Q khi cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị H2 đã không yêu cầu bà Nguyễn Thị H2 cung cấp các giấy tờ thừa kế hay văn bản giấy thỏa thuận của các đồng thừa kế đồng

ý cho bà H2 đứng tên để UBND thành phố Tuyên Q cấp giấy GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị H2 là không đúng quy định của pháp luật. Như vậy về trình tự, thủ tục khi UBND thành phố Tuyên Q cấp giấy CNQSD đất cho bà Nguyễn Thị H2 là không đúng quy định theo khoản 4 Điều 49; Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; Điều 8, Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Do việc cấp GCNQSDĐ đối với bà H2 không đúng quy định nên bà H2 không có quyền tặng cho quyền sử dụng đất cho ông H1 đối với phần di sản thừa kế của ông Hoàng Văn Th1, nên việc UBND thành phố Tuyên Q cấp GCNQSDĐ cho ông H1 không đúng quy định của pháp luật.

Như vậy về trình tự, thủ tục khi UBND thành phố Tuyên Q cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị H2 và ông Hoàng Minh H1 cần phải được xem xét lại cho đúng quy định của pháp luật.

Đối với hợp đồng tặng cho tài sản của bà Nguyễn Thị H2 và ông Hoàng Minh H1 là hợp đồng dân sự và phần giá trị tài sản ông Nguyễn Minh H1 đã sửa chữa ngôi nhà (các đương sự không có đề nghị xem xét), không thuộc thẩm quyền giải quyết trong vụ án hành chính nên Hội đồng xét xử không xem xét, các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[2.3] Về thời hiệu, thời hạn ban hành Quyết định số 282/QĐ-UBND và 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị H2 và Hoàng Minh H1 của UBND thành phố Tuyên Q: Do trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ đất cho bà Nguyễn Thị H2 không đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét về thời hạn, thời hiệu.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã hủy một phần Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 18/6/2013 của UBND thành phố Tuyên Q về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho 216 hộ gia đình, cá nhân tại xã An T, thành phố Tuyên Q, phần cấp giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị H2, địa chỉ thôn Sông Lô 6, xã An T, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 380578 ngày 10/7/2013 mang tên Nguyễn Thị H2; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 709020 ngày 10/5/2014 mang tên Hoàng Minh H1 do UBND thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi liên quan là ông Hoàng Minh H1 mà cần chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được Tòa án chấp nhận, nên ông Hoàng Minh H1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi liên quan là ông Hoàng Minh H1. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2019/HC-ST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Q.

[2] Về án phí: Ông Hoàng Minh H1 phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm (được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0000532 ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang).

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Anh Tài